

Số: 20 /NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 22 tháng 4 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về việc xử lý số vốn còn lại chưa giải ngân thuộc
nguồn ngân sách cấp tỉnh đã bố trí trong năm 2023 (đợt 1)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Xét Tờ trình số 2682 /TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Xử lý nguồn vốn chưa giải ngân thuộc nguồn ngân sách cấp tỉnh đã
bố trí trong năm 2023 (đợt 1), số tiền: 878.011.182.655 đồng (Tám trăm bảy mươi
tám tỷ, không trăm mười một triệu, một trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm năm
mươi lăm đồng) như sau:

1. Cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân nguồn vốn đã bố trí
cho 85 công trình, dự án (tương ứng với 88 lượt bố trí vốn tại các quyết định của
Ủy ban nhân dân tỉnh) trong niên độ 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, số
tiền: 872.241.829.655 đồng (chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).

2. Thu hồi số vốn chưa giải ngân của 8 công trình, dự án (tương ứng với 8
lượt bố trí vốn tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh) chưa đủ điều kiện
chuyển nguồn sang năm 2024 theo quy định hoặc hết nhu cầu chi với tổng số tiền:
5.769.353.000 đồng (chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các của Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (đề b/c);
- Bộ Tài chính (đề b/c);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH



Thái Thanh Quý

Phụ lục 1
TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2023 BỔ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN CHO PHÉP KÉO DÀI
THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31 THÁNG 12 NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn được giao năm 2023	Kinh phí cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2024				
				Tổng cộng	Cơ quan tài chính			Kho bạc nhà nước
					Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
TỔNG CỘNG:			1.269.122.019.000	872.241.829.655	112.500.000.000	107.500.000.000	5.000.000.000	759.741.829.655
A	Dự án được bổ trí kế hoạch vốn để hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch nhưng không được bổ trí vốn kế hoạch năm sau (theo điểm c, khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ)		18.241.019.000	9.163.712.000	-	-	-	9.163.712.000
A.1	Quyết định số 3794/QĐ-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết kinh phí		2.855.024.000	2.855.024.000	-	-	-	2.855.024.000
1	Khảo sát, lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu sân golf và du lịch sinh thái Hồ Xuân Dương tại xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	2.855.024.000	2.855.024.000	-	-	-	2.855.024.000
A.2	Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết kinh phí		2.086.303.000	1.751.193.000	-	-	-	1.751.193.000
1	Khảo sát, lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu B-KCN Thọ Lộc tại xã Diễn Phú và xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	2.086.303.000	1.751.193.000	-	-	-	1.751.193.000
A.3	Quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết kinh phí		3.337.692.000	3.232.646.000	-	-	-	3.232.646.000
1	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị và dịch vụ tổng hợp Tây Nam tại xã Nghi Đồng và xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	1.361.871.000	1.361.871.000	-	-	-	1.361.871.000
2	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu đô thị, du lịch nghỉ dưỡng và thể thao phía Nam đường N2 tại huyện Diễn Châu	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	1.975.821.000	1.870.775.000	-	-	-	1.870.775.000
A.4	Quyết định số 4562/QĐ-UBND ngày 30/12/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết kinh phí		9.962.000.000	1.324.849.000	-	-	-	1.324.849.000
1	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới trụ sở làm việc cơ quan Thanh tra tỉnh Nghệ An	Thanh tra tỉnh Nghệ An	9.962.000.000	1.324.849.000	-	-	-	1.324.849.000
B	Dự án được bổ sung kế hoạch đầu tư từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách nhà nước, dự phòng ngân sách nhà nước hằng năm nhưng chưa được cấp có thẩm quyền cho phép giải ngân vào năm sau (theo điểm d khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)		999.816.000.000	765.751.385.784	59.000.000.000	54.000.000.000	5.000.000.000	706.751.385.784
B.1	Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022, nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022 và nguồn thu hồi vốn các công trình, dự án chưa đủ điều kiện chuyển nguồn sang năm 2023		989.316.000.000	762.981.763.784	59.000.000.000	54.000.000.000	5.000.000.000	703.981.763.784
I	Nguồn thu hồi các công trình, dự án không đủ điều kiện chuyển nguồn sang năm 2023 tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/05/2023 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh		292.000.000.000	215.029.308.490	-	-	-	215.029.308.490

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn được giao năm 2023	Kinh phí cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2024				
				Tổng cộng	Cơ quan tài chính			Kho bạc nhà nước
					Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
I.1	Dự án trọng điểm		237.000.000.000	189.976.483.072	-	-	-	189.976.483.072
1	Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2)	Sở Giao thông Vận tải	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
2	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) đoạn từ Km7-Km76	Sở Giao thông Vận tải	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	-	60.000.000.000
3	Đường giao thông nối Quốc lộ 7C (Đô Lương) đến đường Hồ Chí Minh (Tân Kỳ)	Sở Giao thông Vận tải	67.000.000.000	19.976.483.072	-	-	-	19.976.483.072
4	Đường giao thông nông thôn liên xã Thanh Tường, Thanh Vân, Thanh Hưng, huyện Thanh Chương (giai đoạn 2)	UBND huyện Thanh Chương	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000
I.2	Công trình tinh cam kết và công trình phát triển kinh tế xã hội		55.000.000.000	25.052.825.418	-	-	-	25.052.825.418
1	Tuyến đường tránh lũ và cứu hộ, cứu nạn cho các xã Quế Sơn, Mường Nọc và xã Châu Kim, huyện Quế Phong (giai đoạn 1)	UBND huyện Quế Phong	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
2	Đường Mường Xén - Ta Do - Khe Kiền	Sở Giao thông vận tải	40.000.000.000	10.052.825.418	-	-	-	10.052.825.418
II	Kinh phí tu bổ, tôn tạo các di tích theo Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh tại Phụ lục 03: Danh mục các công trình phân bổ từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022		14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Voi, xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu	Ban quản lý di tích	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
2	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Long Thái, xã Thái Sơn, huyện Đô Lương	Ban quản lý di tích	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
3	Tu bổ, tôn tạo di tích Nhà Thánh Hoành Sơn, xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn	Ban quản lý di tích	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
4	Tu bổ, tôn tạo di tích nhà thờ họ Chu đại tôn, xã Diễn Trường, huyện Diễn Châu	Ban quản lý di tích	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
5	Tu bổ, tôn tạo một số hạng mục tại di tích khu lưu niệm Tổng Bí Thư Lê Hồng Phong	Ban quản lý di tích	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
III	Các công trình quốc phòng, an ninh tại Phụ lục 03: Danh mục các công trình phân bổ từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022		43.138.000.000	30.424.113.440	20.000.000.000	20.000.000.000	-	10.424.113.440
1	Kinh phí xây dựng trụ sở Công an xã theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh		20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
-	Trụ sở làm việc Công an xã Châu Thôn, huyện Quế Phong	Công an tỉnh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
-	Trụ sở làm việc Công an xã Yên Hòa, huyện Tương Dương	Công an tỉnh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
-	Trụ sở làm việc Công an xã Châu Hạnh, huyện Quỳ Châu	Công an tỉnh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
-	Trụ sở làm việc Công an xã Châu Thắng, huyện Quỳ Châu	Công an tỉnh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
-	Trụ sở làm việc Công an xã Châu Phong, huyện Quỳ Châu	Công an tỉnh	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
2	Xây dựng các hạng mục phục vụ Diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Nghệ An năm 2021 (giai đoạn 2)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1.473.000.000	63.147.000	-	-	-	63.147.000
3	Xây dựng các hạng mục phục vụ Diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Nghệ An năm 2021	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2.950.000.000	84.103.000	-	-	-	84.103.000

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn được giao năm 2023	Kinh phí cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2024				
				Tổng cộng	Cơ quan tài chính			Kho bạc nhà nước
					Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
4	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Nghi Lộc/Bộ CHQS tỉnh Nghệ An	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	4.053.000.000	165.168.440	-			165.168.440
5	Xây dựng trục đường vào doanh trại Trung đội vận tải và tập thể gia đình quân nhân; sửa chữa nâng cấp công, hàng rào và khu vực tăng gia cho Trung đội vận tải	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	3.762.000.000	98.545.000	-			98.545.000
6	Xây dựng khu tăng gia sản xuất kết hợp công nghệ cao/Bộ CHQS tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	900.000.000	13.150.000	-			13.150.000
7	Xây dựng 11 nhà Tổ công tác biên phòng trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	10.000.000.000	10.000.000.000	-			10.000.000.000
IV	Công trình tinh cam kết vốn, công trình phát triển kinh tế xã hội (công trình khởi công mới) tại Phụ lục 03: Danh mục các công trình phân bổ từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2022		606.178.000.000	491.407.836.254	22.000.000.000	20.000.000.000	2.000.000.000	469.407.836.254
1	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nối vành đai Bắc lên chùa Đại Tuệ (Đoạn qua xóm 7 xã Nam Anh) huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	20.000.000.000	19.845.551.000	-			19.845.551.000
2	Cầu Khe Mọi, xã Lục Dạ, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000		
3	Cầu Mô Vĩnh bắc qua sông Rộ, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	10.000.000.000	9.053.000.000	-			9.053.000.000
4	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường giao thông xã Thanh Đức, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000		2.000.000.000	-
5	Xây dựng đường giao thông từ đường tuần tra biên giới mốc L10 lên đỉnh Phu Xai Lai Leng, xã Na Ngoi, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	3.000.000.000	2.756.194.000	-			2.756.194.000
6	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	3.800.000.000	258.869.100	-			258.869.100
7	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7.000.000.000	2.556.832.000	-			2.556.832.000
8	Trụ sở làm việc Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh Nghệ An	1.995.000.000	548.384.126	-			548.384.126
9	Xử lý hư hỏng tuyến đường tuần tra biên giới Việt - Lào, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	8.000.000.000	3.044.555.000	-			3.044.555.000
10	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ Nghệ An	Sở Ngoại vụ	8.000.000.000	8.000.000.000	-			8.000.000.000
11	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Tư pháp Nghệ An	Sở Tư pháp	4.800.000.000	1.610.401.175	-			1.610.401.175
12	Đường giao thông đến trung tâm xã Châu Khê, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	10.000.000.000	10.000.000.000	-			10.000.000.000
13	Xây dựng cầu Đồng Tâm, xã Thạch Ngàn, huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	10.000.000.000	9.606.000.000	-			9.606.000.000
14	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) đoạn từ Km7-Km76	Sở Giao thông Vận tải	40.000.000.000	40.000.000.000	-			40.000.000.000
15	Đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 2)	Sở Giao thông Vận tải	100.000.000.000	92.527.488.870	-			92.527.488.870
16	Xây dựng hệ thống điện trang trí cầu Cửa Hội bắc qua sông Lam tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (Phía thị xã Cửa Lò tỉnh Nghệ An)	Sở Giao thông Vận tải	20.000.000.000	15.379.800.000	-			15.379.800.000

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn được giao năm 2023	Kinh phí cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2024				
				Tổng cộng	Cơ quan tài chính			Kho bạc nhà nước
					Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
17	Hệ thống thoát nước KCN VSIP - Thọ Lộc	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	60.000.000.000	58.285.848.500	-	-	58.285.848.500	
18	Đường vào phần khu CN30 thuộc khu D - KCN Nam Cẩm	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	50.000.000.000	49.757.680.000	-	-	49.757.680.000	
19	Kênh thoát nước quanh Khu công nghiệp WHA-2	Ban quản lý khu kinh tế Đông Nam Nghệ An	3.000.000.000	1.103.318.686	-	-	1.103.318.686	
20	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Sơn từ QL46C đi xã Nam Anh, huyện Nam Đàn (tuyến ĐT.539B đoạn từ Km0+00 - Km6+00)	UBND huyện Nam Đàn	50.000.000.000	21.000.447.000	-	-	21.000.447.000	
21	Xây dựng Trụ sở làm việc HĐND - UBND huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	10.000.000.000	3.951.655.000	-	-	3.951.655.000	
22	Đường giao thông cứu hộ, cứu nạn Tả ngạn Sông Con từ xã Đình Sơn đến xã Bình Sơn huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	18.000.000.000	4.347.963.000	-	-	4.347.963.000	
23	Nâng cấp bảo tàng văn hóa các dân tộc miền Tây Nghệ An tại huyện Quỳnh Châu	Sở Văn hoá Thể thao	5.000.000.000	3.507.750.000	-	-	3.507.750.000	
24	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Vua Lê, tại xã Hưng Thành, huyện Hưng Nguyên	Sở Văn hoá Thể thao	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	
25	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa nhà thờ họ Hồ tại xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu	Sở Văn hoá Thể thao	4.000.000.000	2.509.784.000	-	-	2.509.784.000	
26	Lắp đặt hệ thống điều hòa, làm trần nhà trưng bày Bảo tàng Nghệ An	Sở Văn hoá Thể thao	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	
27	Cầu treo Xốp Mạt, Lượng Minh, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	931.000.000	89.975.000	-	-	89.975.000	
28	Cầu treo bản Là, Lượng Minh, huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	1.632.000.000	1.578.505.800	-	-	1.578.505.800	
29	Cầu treo Cửa Rào 2, xã Xá Lượng qua sông Nậm Mội	UBND huyện Tương Dương	647.000.000	40.323.000	-	-	40.323.000	
30	Duy tu, sửa chữa cầu treo bản Chiếng, xã Quang Phong, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	1.237.000.000	8.655.000	-	-	8.655.000	
31	Nạo vét, cải tạo kênh nhà Lê đoạn từ K19+530 đến K26+200	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	
32	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) đoạn từ điểm giao Quốc lộ 46 đến Tỉnh lộ 535 (km76+00 đến km 83+500)	Sở Giao thông Vận tải	17.636.000.000	1.021.412.567	-	-	1.021.412.567	
33	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư để di dân khẩn cấp ra khỏi vùng thiên tai xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Chi cục Phát triển nông thôn	3.000.000.000	2.086.213.430	-	-	2.086.213.430	
34	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Tạt Mả xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2.500.000.000	162.950.000	-	-	162.950.000	
35	Cải tạo, nâng cấp đường từ ngã tư xã Tân An tại ĐT.534B đi xã Đồng Văn huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	
36	Đường giao thông từ trung tâm xã đến xóm Văn Sơn, Tân Diên xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	

TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn được giao năm 2023	Kinh phí cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2024				
				Tổng cộng	Cơ quan tài chính			Kho bạc nhà nước
					Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
37	Sửa chữa nâng cấp các tuyến đường nội thị trấn Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	25.000.000.000	24.292.780.000	-			24.292.780.000
38	Sửa chữa, nâng cấp đập Kéo, xã Nghĩa Phúc, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	3.000.000.000	563.500.000	-			563.500.000
39	Cải tạo nâng cấp các tuyến kênh tưới, tiêu xã Hồng Long, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	5.000.000.000	5.000.000.000	-			5.000.000.000
40	Đường cứu hộ cứu nạn vào đập Khe Ngang, xã Hưng Yên Bắc, huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	20.000.000.000	19.112.000.000	-			19.112.000.000
41	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu xã Thanh Liên, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	15.000.000.000	13.800.000.000	-			13.800.000.000
V	Các công trình dự án phân bổ từ nguồn tăng thu cân đối đất trồng lúa năm 2022		31.000.000.000	9.120.505.600	-	-	-	9.120.505.600
1	Cải tạo, nâng cấp cụm hồ chứa Thiết - Hều, xã Nghĩa Thành, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	5.000.000.000	1.316.762.000	-			1.316.762.000
2	Cải tạo nâng cấp các tuyến kênh tưới, tiêu xã Hồng Long, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	12.000.000.000	4.669.922.000	-			4.669.922.000
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến kênh tiêu cho các xã Diễn Yên, Diễn Đoài và Diễn Trường, huyện Diễn Châu	UBND huyện Diễn Châu	5.000.000.000	556.448.000	-			556.448.000
4	Nạo vét, cải tạo kênh nhà Lê đoạn từ K19+530 đến K26+200	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam	9.000.000.000	2.577.373.600	-			2.577.373.600
VI	Nguồn tiết kiệm chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2022 và nguồn bổ sung theo ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 2411/BTC-NSNN ngày 16/3/2023		3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
1	Xây dựng 10 phòng học trường mầm non xã Nghĩa Hồng, huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000		3.000.000.000	-
B.2	Quyết định số 3548/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết kinh phí		4.000.000.000	1.466.000.000	-	-	-	1.466.000.000
1	Xây dựng cầu khe Đá, xã Đồng Văn, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	4.000.000.000	1.466.000.000	-			1.466.000.000
B.3	Quyết định số 3177/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí		5.000.000.000	951.428.000	-	-	-	951.428.000
1	Cải tạo, nâng cấp đường nội đồng và hệ thống kênh tưới đập Khe Là, xã Phú Sơn, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2.500.000.000	945.366.000	-			945.366.000
2	Cải tạo nâng cấp hồ chứa nước Xuân Dương, xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	2.500.000.000	6.062.000	-			6.062.000
B.4	Quyết định số 2379/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND tỉnh về việc giải quyết kinh phí cho các địa phương, đơn vị thực hiện sửa chữa các công trình ách yếu trước mùa mưa, bão năm 2023		1.500.000.000	352.194.000	-	-	-	352.194.000
1	Nhà vận hành Trạm bơm N2, Hợp tác xã Phú Hậu - Phú Linh, xã Diễn Tân	UBND huyện Diễn Châu	500.000.000	199.830.000	-			199.830.000
2	Cầu Huổi Hèo, bản Xốp Kho, xã Nga My	UBND huyện Tương Dương	500.000.000	137.364.000	-			137.364.000
3	Cầu Bãi Lim, xã Phúc Sơn	UBND huyện Anh Sơn	500.000.000	15.000.000	-			15.000.000



TT	Danh mục công trình, dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn được giao năm 2023	Kinh phí cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2024				
				Tổng cộng	Cơ quan tài chính			Kho bạc nhà nước
					Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp huyện	
C	Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép (theo điểm đ, khoản 1, Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)		251.065.000.000	97.326.731.871	53.500.000.000	53.500.000.000	-	43.826.731.871
C.1	Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu chi NSNN năm 2023		218.600.000.000	64.861.731.871	31.500.000.000	31.500.000.000	-	33.361.731.871
I	Hỗ trợ các công trình trọng điểm (ngoài nguồn vốn bố trí trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và các công trình khác theo cam kết nguồn vốn của tỉnh (nguồn tăng 45% theo định mức dân số còn lại)		169.500.000.000	36.057.626.607	4.500.000.000	4.500.000.000	-	31.557.626.607
1	Đường ven biển từ Nghi Sơn (Thanh Hóa) - Cửa Lò (Nghệ An) đoạn từ Km7-Km76	Sở Giao thông Vận tải	150.000.000.000	16.557.626.607	-	-	-	16.557.626.607
2	Nhà công vụ 3 tầng UBND huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	4.500.000.000	-	-
3	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hồng Sơn từ QL46C đi xã Nam Anh, huyện Nam Đàn (tuyến ĐT.539B đoạn từ Km0+00-Km6+00)	UBND huyện Nam Đàn	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
II	Vốn sự nghiệp ngoài nước và hỗ trợ khác		49.100.000.000	28.804.105.264	27.000.000.000	27.000.000.000	-	1.804.105.264
1	Xây dựng công trình Trường THPT Đô Lương I	UBND huyện Đô Lương	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
2	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Tài chính Nghệ An tại phường Hưng Phúc, thành phố Vinh	Sở Tài chính	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
3	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên tỉnh Nghệ An	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	10.000.000.000	798.217.264	-	-	-	798.217.264
4	Mương tiêu chống ngập đoạn xóm 8 đi xóm 6 kênh nhà Lê xã Diễn Lộc	UBND xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Nhôm, xã Kỳ Tân, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	3.500.000.000	61.888.000	-	-	-	61.888.000
6	Cải tạo, nâng cấp hồ chứa nước Xuân Dương, xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	7.000.000.000	100.000.000	-	-	-	100.000.000
7	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trần, xã Nghĩa Bình, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	1.600.000.000	844.000.000	-	-	-	844.000.000
C.2	Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí cải tạo, nâng cấp, xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế bố trí tại khoản 6 mục I Phần B Biểu số 01 Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh		22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	-	-
1	Xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế cơ sở 2 Bệnh viện phục hồi chức năng Nghệ An	Bệnh viện phục hồi chức năng Nghệ An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
2	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế cơ sở 2 Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh	Bệnh viện đa khoa thành phố Vinh	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
C.3	Quyết định số 3936/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 về việc giải quyết kinh phí		10.465.000.000	10.465.000.000	-	-	-	10.465.000.000
1	Xây dựng đường giao thông vào cụm công nghiệp Châu Lộc, huyện Quỳnh Hợp	UBND huyện Quỳnh Hợp	10.465.000.000	10.465.000.000	-	-	-	10.465.000.000

Phụ lục 2:
KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2023 BỔ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN THU HỒI VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 (Kèm theo Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn được giao năm 2023	Kinh phí thu hồi về ngân sách Nhà nước		
				Tổng cộng	Không đủ điều kiện chuyển nguồn sang năm 2024	Hết nhiệm vụ chi
	TỔNG CỘNG		24.211.507.000	5.769.353.000	5.196.147.000	573.206.000
I	Quyết định số 4089/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu chi NSNN năm 2023		20.500.000.000	4.530.620.000	4.000.000.000	530.620.000
1	Nhà làm việc 3 tầng UBND huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	
2	Xây dựng đường và cầu vượt lũ xã Châu Kim, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	15.000.000.000	620.000		620.000
3	Đường giao thông đoạn từ đồi chè đi Bãi Lim xã Phúc Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	1.500.000.000	530.000.000		530.000.000
II	Quyết định số 2991/QĐ-UBND ngày 21/9/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2022, nguồn tiết kiệm chi ngân sách tỉnh năm 2022 và nguồn thu hồi vốn các công trình, dự án chưa đủ điều kiện chuyển nguồn sang năm 2023		2.500.000.000	42.586.000	-	42.586.000
1	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	1.500.000.000	42.532.000		42.532.000
2	Duy tu, sửa chữa cầu treo Mường Nọc, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	1.000.000.000	54.000		54.000
III	Dự toán 2022 đủ điều kiện chuyển nguồn sang năm 2023 tại Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 05/05/2023 của HĐND tỉnh và Quyết định số 1451/QĐ-UBND ngày 24/3/2023 của UBND tỉnh		1.211.507.000	1.196.147.000	1.196.147.000	-
1	Bãi xử lý rác thải huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	1.183.147.000	1.183.147.000	1.183.147.000	-
2	Cầu treo Hạnh Dịch	UBND huyện Quế Phong	20.600.000	10.000.000	10.000.000	-
3	Cầu treo Bàn Bó, xã Cẩm Muộn	UBND huyện Quế Phong	7.760.000	3.000.000	3.000.000	-
				-	-	-

NG NHẬN

13